

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-ST

Ngày 09-4-2019

V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa:
Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về “tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp THA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

1. Anh Lê Minh B, sinh năm 1978; cư trú tại: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Bích L, sinh năm 1982; cư trú tại: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Út N, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp THA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Văn K trình bày:

Vào ngày 15/6/2017 anh L và anh B có mở dây hội 3.000.000 đồng/tháng, 18 chung, anh K tham gia 02 chung, anh K đã đóng hội được 15 lần thì ngưng đóng vì chủ hội tuyên bố đình hội. Anh K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê

Minh B và chị Nguyễn Bích L trả lại số tiền hội là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, anh K yêu cầu chị L và anh B trả số tiền nợ hội 82.682.902 đồng.

Chị Nguyễn Bích L trình bày:

Chị thống nhất số chung hội anh K tham gia là đúng, hội mở ngày 15/6/2017al, dây hội 3.000.000 đồng/tháng, gồm có 18 chung, anh K tham gia 02 chung, đóng được 15 lần thì ngừng hội. Số tiền góp của từng lần góp hội như sau: Lần 1: Ngày 15/6/2017 al, góp 2.500.000 đồng/1 chung; lần 2: Ngày 15/6/2017 al, đóng 2.280.000 đồng/1 chung; lần 3: Ngày 15/7/2017 al, đóng 2.290.000 đồng/1 chung; lần 4: Ngày 15/8/2017 al, đóng 2.400.000 đồng/1 chung; lần 5: Ngày 15/9/2017 al, đóng 2.350.000 đồng/1 chung; lần 6: Ngày 15/10/2017 al, đóng 2.300.000 đồng/1 chung; lần 7: Ngày 15/11/2017 al, đóng 2.250.000 đồng/1 chung; lần 8: Ngày 15/12/2017 al, đóng 2.100.000 đồng/1 chung; lần 9: Ngày 15/01/2018 al, đóng 2.400.000 đồng/1 chung; lần 10: Ngày 15/02/2018 al, đóng 2.050.000 đồng/1 chung; lần 11: Ngày 15/03/2018 al, đóng 2.000.000 đồng/1 chung; lần 12: Ngày 15/04/2018 al, đóng 2.100.000 đồng/1 chung; lần 13: Ngày 15/05/2018 al, đóng 2.100.000 đồng/1 chung; lần 14: Ngày 15/06/2018 al, đóng 2.200.000 đồng/1 chung; lần 15: Ngày 15/07/2018 al, đóng 1.800.000 đồng/1 chung.

Tổng số tiền hội vốn anh K đã góp vào là 66.240.000 đồng. Tại phiên tòa, chị L đồng ý trả số tiền 82.682.902 đồng theo yêu cầu của anh K. Chị Liễu xác định anh B biết chị làm chủ hội và khoản nợ anh K là nợ chung của vợ chồng. Chị L sử dụng số tiền tham gia hội vào mục đích sinh hoạt chung trong gia đình.

Anh Lê Minh B trình bày:

Anh biết chị L làm chủ hội nhưng vài năm trở lại đây anh có khuyên chị nghĩ để đầu tư buôn bán, lo cho cha mẹ anh và thống nhất khoản nợ anh K theo ý kiến của chị L. Anh xác định không có mối quan hệ làm ăn gì với anh K và yêu cầu từ chối tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án.

Chị Trần Út N trình bày:

Vào ngày 15/6/2017al chị L và anh B mở dây hội 3.000.000 đồng/tháng, gồm 18 chung, chị và anh K tham gia 02 chung, anh chị đã đóng hội được 15 lần thì ngừng vì chị L tuyên bố đình hội. Khi tham gia hội, chị không mở sổ theo dõi nên không nhớ số tiền góp của từng lần là bao nhiêu. Khi chị L bế hội, hai bên có làm tờ giao kèo chị L thừa nhận số tiền nợ 90.000.000 đồng, số tiền này hai bên thỏa thuận theo hội chết chị L có nghĩa vụ giao cho anh chị. Tại phiên tòa, chị thống nhất yêu cầu của anh K yêu cầu chị L và anh B trả lại số tiền hội là 82.682.902 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K, buộc chị L và anh B trả số tiền nợ hội 82.682.902 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Minh B có yêu cầu từ chối tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Về số tiền nợ hui: Anh K, chị L và chị N thống nhất anh K và chị N có tham gia 02 chung hui trong dây hui 3.000.000 đồng mở ngày 15/6/2017a1 do chị L làm chủ, dây hui gồm có 18 chung, anh K và chị N đã góp được 15 lần và tổng số tiền góp của từng lần là 66.240.000 đồng. Xét thấy, giao dịch hui giữa các đương sự là thực tế có xảy ra, trên cơ sở tự nguyện, nhằm mục đích tương trợ giữa các thành viên tham gia hui.

Tại đơn khởi kiện, anh K yêu cầu chị L và anh B trả số tiền 90.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên Tòa, anh K yêu cầu chị L và anh B trả số tiền 82.682.902 đồng. Xét thấy, việc anh K thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ: Chị L xác định anh B biết chị làm chủ hui và chị sử dụng số tiền từ việc tham gia hui vào mục đích lo chi phí cho con ăn học, buôn bán nhỏ nên khoản nợ anh K là nợ chung của vợ chồng. Còn anh B xác định có biết chị làm chủ hui. Xét thấy, chị L xác định sử dụng số tiền hui lo chi phí cho con ăn học, buôn bán nhỏ, anh B thừa nhận có biết chị L làm chủ hui và trong thời gian chị L làm chủ hui anh chị vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định đây là khoản nợ chung của chị L và anh B.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K, buộc chị L và anh B trả cho anh K tổng số tiền 82.682.902 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh K không phải chịu. Chị L và anh B phải chịu 50% án phí do có đơn xin giảm án phí theo đúng quy định của pháp luật là $82.682.902 \times 2,5\% = 2.067.072$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 13 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K. Buộc chị Nguyễn Bích L và anh Lê Minh B trả cho K số tiền nợ hui 82.682.902 đồng (tám mươi hai triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn chín trăm lẻ hai đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện

nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn K không phải chịu, ngày 04 tháng 12 năm 2018 anh K đã nộp tạm ứng án phí 2.250.000 đồng được nhận lại. Chị Nguyễn Bích L và anh Lê Minh B phải chịu 2.067.072 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Bích L và chị Trần Út N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Minh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng